|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN................**ĐƠN VỊ.............................................**Số: /BC-LĐLĐ (CĐN) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......., ngày ... tháng ..... năm 2020* |

# BÁO CÁO

# Tự kiểm tra về công tác quản lý tài chính, tài sản công đoàn năm 2019

Căn cứ Quyết định số ......./QĐ-UBKT ngày.....tháng......năm 2020 của Ủy ban Kiểm tra..................... về việc kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản công đoàn cùng cấp năm 2019 đối với Liên đoàn Lao động (Công đoàn Ngành)....... Niên độ kiểm tra: Năm 2019.

Liên đoàn Lao động (Công đoàn Ngành)..............báo cáo tự kiểm tra về công tác quản lý tài chính, tài sản công đoàn năm 2019 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Tình hình lao động và đoàn viên công đoàn**

- Tổng số lao động: ...... người (trong đó: Khu vực hành chính sự nghiệp: ...... người; khu vực doanh nghiệp đã có CĐCS: ...... người; đơn vị chưa có CĐCS: ......người), tăng (giảm)......người so với lập dự toán.

- Tổng số đoàn viên: ...... người, đạt .......% so với tổng số lao động (trong đó: Khu vực hành chính sự nghiệp: ....... người; khu vực doanh nghiệp đã có CĐCS: ..... người), tăng (giảm)......người so với lập dự toán.

**2. Tình hình tổ chức công đoàn và cán bộ công đoàn**

- Tổng số công đoàn cơ sở ........ đơn vị (trong đó: Khu vực hành chính sự nghiệp ...... đơn vị; khu vực sản xuất kinh doanh ..... đơn vị), tăng (giảm) ...... CĐCS so với lập dự toán.

- Tổng số Ủy viên BCH CĐCS ...... người; ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác kiểm tra ..... người.

- Tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên cơ sở: ......người; Ban Thường vụ: ......người; UBKT: .....người.

- Tổng số cán bộ chuyên trách công đoàn cấp trên cơ sở: ...... người (trong đó: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, chuyên viên) và HĐLĐ (nếu có).

**II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện**

**1.1- Công tác quản lý tài chính**

Nêu cụ thể các văn bản đã ban hành chỉ đạo về công tác tài chính.

**1.2- Công tác lập, giao dự toán**

- Số công đoàn cơ sở lập dự toán :.......đơn vị;

- Số công đoàn cơ sở không lập dự toán :.......đơn vị;

- Số công đoàn cơ sở giao dự toán :.......đơn vị;

**1.3- Công tác thẩm định, xét duyệt quyết toán**

- Số công đoàn cơ sở đã quyết toán :.......đơn vị;

- Số công đoàn cơ sở chưa quyết toán dự toán :.......đơn vị;

- Số công đoàn cơ sở đã phê duyệt quyết toán :.......đơn vị;

**1.4- Công khai tài chính**

**2. Tình hình thực hiện thu, chi tài chính công đoàn**

*ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Dự toán giao (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)** | **Thực hiện** | **Tỷ lệ % TH/DT giao** |
| **I** | **PHẦN THU** |   |   |   |
| 1 | Đoàn phí công đoàn |  |  |  |
|   | *- Khu vực HCSN* |  |  |  |
|   | *- Khu vực SXKD* |  |  |  |
| 2 | Kinh phí công đoàn |  |  |  |
|  | *- Khu vực HCSN* |  |  |  |
|  | *- Khu vực SXKD* |  |  |  |
|  | *- Đơn vị chưa thành lập CĐCS* |  |  |  |
| 3 | Ngân sách nhà nước cấp |  |  |  |
| 4 | Các khoản thu khác |  |  |  |
|  | **CỘNG THU** |  |  |  |
| 5 | LĐLĐ tỉnh cấp hỗ trợ |  |  |  |
|  | *- Cấp kinh phí XDCB* |  |  |  |
|  | *- Cấp hỗ trợ* |  |  |  |
| 6 | Tài chính tích lũy kỳ trước chuyển sang |  |  |  |
|  | *- Công đoàn cơ sở* |  |  |  |
|  | *- Công đoàn cấp trên cơ sở* |  |  |  |
| 7 | Nhận bàn giao tài chính |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |
| **II** | **PHẦN CHI** |  |  |  |
| 1 | Công đoàn cơ sở |  |  |  |
| 2 | Công đoàn cấp trên cơ sở |  |  |  |
|  | *- Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ*  |  |  |  |
|  | **CỘNG CHI** |  |  |  |
| 4 | Nộp LĐLĐ tỉnh |  |  |  |
| *4.1* | *- Nộp nghĩa vụ* |  |  |  |
|  | + Trả nợ năm trước |  |  |  |
|  | + Nộp năm nay |  |  |  |
| *4.2* | *- Nộp kinh phí điều chỉnh* |  |  |  |
|  | + Trả nợ năm trước |  |  |  |
|  | + Nộp năm nay |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |
| **III** | **KINH PHÍ TÍCH LŨY** |  |  |  |
| 1 | Công đoàn cơ sở |  |  |  |
| 2 | Công đoàn cấp trên cơ sở |  |  |  |

**\* Về thu tài chính công đoàn:** Nêu rõ việc phân cấp thu, chấp hành chế độ các khoản thu theo quy định.

**\* Tình hình nợ kinh phí, đoàn phí và kinh phí tiết giảm năm 2019:** Nêu rõ số nợ kinh phí, đoàn phí, kinh phí tiết giảm.

**\* Về chi tài chính công đoàn:** Nêu rõ việc chấp hành chế độ, tiêu chuẩn, chứng từ, thủ tục thanh quyết toán; cơ cấu, tỷ lệ các mục chi theo quy định.

**3. Thực hiện trích nộp kinh phí nghĩa vụ và kinh phí điều chỉnh**

**3.1- Đơn vị nộp về LĐLĐ tỉnh (TK 353):**

*- Kinh phí nghĩa vụ:*

+ Nộp trả nợ năm trước : .............đồng

+ Số phải nộp theo dự toán : .............đồng

+ Số đã nộp trong năm : .............đồng

+ Số còn nợ : .............đồng

*- Kinh phí điều chỉnh:*

+ Nộp trả nợ năm trước : .............đồng

+ Số phải nộp theo dự toán : .............đồng

+ Số đã nộp trong năm : .............đồng

+ KP được bù trừ : .............đồng

+ Số còn nợ : .............đồng

**3.2- LĐLĐ tỉnh cấp hỗ trợ (TK 461):**

- Số phải cấp theo dự toán : .............đồng

- Số đã cấp : .............đồng

- Số còn nợ : .............đồng

**3.3- CĐCS nộp kinh phí, đoàn phí về công đoàn cấp trên (TK 354):**

*- Kinh phí nghĩa vụ:*

+ Nộp trả nợ năm trước : .............đồng

+ Số phải nộp theo dự toán : .............đồng

+ Số đã nộp trong năm : .............đồng

+ Số còn nợ : .............đồng

*- Kinh phí điều chỉnh:*

+ Nộp trả nợ năm trước : .............đồng

+ Số phải nộp theo dự toán : .............đồng

+ Số đã nộp trong năm : .............đồng

+ Số còn nợ : .............đồng

**3.4- CĐ cấp trên cơ sở cấp kinh phí công đoàn cho CĐCS (TK 341):**

- Số kinh phí đã cấp : .............đồng

 - Số kinh phí còn nợ :..............đồng

**4. Thực hiện khoán chi (nếu có)**

**5. Công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản**

 - Về mua sắm tài sản:

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản (Công tác kiểm kê, tính hao mòn tài sản, báo cáo tăng, giảm tài sản):

+ Nguyên giá : .............đồng

+ Giá trị hao mòn : .............đồng

+ Giá trị còn lại : .............đồng

**6. Quản lý, sử dụng Quỹ xã hội Công đoàn**

**6.1- Chương trình Quỹ Mái ấm công đoàn**

- Số dư năm trước chuyển sang : .............đồng

- Thu đoàn viên : .............đồng

- Nguồn thu huy động được : .............đồng

- LĐLĐ tỉnh cấp hỗ trợ : .............đồng

 Cộng thu : .............đồng

- Chi hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà : .............đồng

+ Nguồn của đơn vị : .............đồng

+ Nguồn huy động được : .............đồng

+ Nguồn LĐLĐ tỉnh cấp hỗ trợ : .............đồng

- Nộp 10% về LĐLĐ tỉnh : .............đồng

 Cộng chi : .............đồng

- Số dư cuối kỳ : .............đồng

 **6.2- Các khoản kinh phí khác (nếu có):**

**7. Một số chỉ tiêu khác**

**7.1- Quỹ tiền mặt (TK 111)**

- Số dư năm trước chuyển sang : .............đồng

- Số dư quỹ tiền mặt đến ngày 31/12/2019 : .............đồng

- Số dư quỹ tiền mặt tại thời điểm kiểm tra ngày....tháng.....năm 2020: .............đồng

- Chênh lệch thừa (thiếu): : .............đồng

- Nguyên nhân:

**7.2- Tiền gửi kho bạc, ngân hàng (TK112)**

***- Kho bạc nhà nước ....... (TK ..........)***

+ Số dư kỳ trước chuyển sang : .............đồng

+ Số dư tại đến ngày 21/12/2019 : .............đồng

***- Ngân hàng .......... (TK .......)***

+ Số dư kỳ trước chuyển sang : .............đồng

+ Số dư tại đến ngày 21/12/2019 : .............đồng

**7.4- Công nợ phải thu (TK 311):**

**7.5- Công nợ phải trả (TK331):**

 **8. Chấp hành chế độ kế toán, chứng từ, sổ sách kể toán, lưu trữ tài liệu kế toán; sử dụng phần mềm kế toán**

*- Sử dụng phần mềm kế toán quản lý tài chính:*

*- Chấp hành chế độ kế toán, hạch toán kế toán, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán:*

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**2.1- Ưu điểm, kết quả đạt được**

**2.2- Tồn tại, hạn chế**

**2.3- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

**2.4- Biện pháp khắc phục**

**IV. ĐỀ XUẤT - KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Đoàn kiểm tra;- Lưu: VT. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ** **CHỦ TỊCH**(Ký, họ và tên, đóng dấu) |